

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT  
KHẨU NAM ĐỊNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 - 04
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	05 - 06
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 36

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0600265248 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2000. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 05 (năm) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 16 tháng 04 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 78.538.000.000 đồng (Bảy mươi tám tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn ./).

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Vũ Trọng Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 13/03/2017)
- Ông Nguyễn Quang Thanh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Ông Vũ Trung Thành	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/05/2017)
- Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 07/07/2017)
- Ông Nguyễn Văn Tấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Ông Phạm Văn Hải	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Ông Nguyễn Huy Hoàng	Phó chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Ông Hoàng Tiến Minh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Bà Lưu Thị Lam	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Ông Phan Văn Hòa	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2017)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Ho và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 07/07/2017)
- Ông Nguyễn Quang Thanh	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 07/07/2017)
- Ông Vũ Trung Thành	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 18/05/2017)
- Ông Tạ Tiến Dũng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 02/06/2017)
- Ông Đỗ Tiến Đức	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 02/06/2017)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Đinh Văn Phiên	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Ông Phạm Đức Thắng	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Bà Bùi Thị Phòng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Bà Đỗ Thị Ngân	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2017)
- Ông Nhữ Văn Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2017)

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Công ty có Công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Nghĩa Thành	Số 25 Song Hào, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Công ty có các chi nhánh như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định - Chi nhánh tại Hồ Chí Minh	Số 100 Trương Định, phường 09, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định - Chi nhánh tại Hà Nội	Số 78/800A Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định - Chi nhánh tại Hà Tĩnh	Tại nhà Bà Lê Thị Bá, khối phố 7, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, ngoài các sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số 8.5, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không còn có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nam Định, ngày 30 tháng 08 năm 2017

**Thay mặt Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Nguyễn Quang Thanh**

Số: 119 /2017/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định được lập ngày 30 tháng 08 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 08 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4, trong kỳ Công ty đã tạm ứng cho ông Tạ Tiến Dũng 5 tỷ đồng, ông Đỗ Tiến Đức 5 tỷ đồng để thực hiện việc mở và hoạt động kinh doanh của các chi nhánh tại Hà Nội, Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0162-2015-242-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>73.302.322.038</b>	<b>56.681.463.303</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.480.785.160</b>	<b>5.301.224.846</b>
1. Tiền	111		3.480.785.160	5.301.224.846
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>63.267.240.683</b>	<b>43.730.964.399</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.564.602.213	17.660.811.802
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.422.522.500	759.419.997
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	17.362.891.400	17.662.891.400
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	15.917.224.570	7.647.841.200
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>6.363.343.975</b>	<b>7.530.986.226</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.363.343.975	7.530.986.226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>190.952.220</b>	<b>118.287.832</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	11.471.174	12.634.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		79.456.092	101.295.452
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	100.024.954	4.357.954
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.680.692.977</b>	<b>38.664.306.230</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.141.750.000</b>	<b>12.141.750.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	12.141.750.000	12.141.750.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.645.711.609</b>	<b>9.065.784.881</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	8.645.711.609	9.065.784.881
- Nguyên giá	222		29.193.071.383	29.193.071.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.547.359.774)	(20.127.286.502)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.000.000.000
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.5</b>	<b>9.605.284.642</b>	<b>13.497.284.642</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		245.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.263.000.000	14.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(902.715.358)	(902.715.358)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.287.946.726</b>	<b>959.486.707</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.287.946.726	959.486.707
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>106.983.015.015</b>	<b>95.345.769.533</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.407.598.703</b>	<b>20.082.761.813</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.938.848.703</b>	<b>19.426.511.813</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	9.918.946.296	2.564.972.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	125.235.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	-	191.731.860
4. Phải trả người lao động	314		38.000.000	63.473.692
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	92.000.000	102.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	153.481.122	181.977.248
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	19.497.000.000	15.955.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239.421.285	242.121.285
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>468.750.000</b>	<b>656.250.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	468.750.000	656.250.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.575.416.312</b>	<b>75.263.007.720</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>76.575.416.312</b>	<b>75.263.007.720</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.538.000.000	78.538.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.538.000.000	78.538.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.220.000	42.220.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		93.365.619	93.365.619
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.155.180.877	1.155.180.877
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.350.409.083	1.350.409.083
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(4.603.759.267)	(5.916.167.859)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.916.167.859)	1.620.278.424
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.312.408.592	(7.536.446.283)
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>106.983.015.015</b>	<b>95.345.769.533</b>

Nam Định, ngày 30 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



GIÁM ĐỐC

Bùi Hai Vỡ

Bùi Hai Vỡ

Nguyễn Quang Thanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B02a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	23.919.095.712	23.405.618.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>23.919.095.712</b>	<b>23.405.618.518</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	20.907.118.928	22.245.185.953
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>3.011.976.784</b>	<b>1.160.432.565</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	667.082.847	374.582.780
7. Chi phí tài chính	22	6.4	679.670.023	380.490.441
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		679.670.023	380.449.981
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	33.682.551	168.107.448
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	1.582.940.309	1.139.267.824
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.382.766.748</b>	<b>(152.850.368)</b>
12. Thu nhập khác	31	6.5	26.090.524	175.191.552
13. Chi phí khác	32	6.6	96.448.680	5.924.170
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(70.358.156)</b>	<b>169.267.382</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.312.408.592</b>	<b>16.417.014</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	5.477.442
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.312.408.592</b>	<b>10.939.572</b>
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		1.312.408.592	10.939.572
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		167	1,39

Nam Định, ngày 30 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Bùi Hai Vỡ

Bùi Hai Vỡ

Nguyễn Quang Thanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Đơn vị tính: VND Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.312.408.592</b>	<b>16.417.014</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		420.073.272	426.783.078
- Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(667.082.847)	(163.000.000)
- Chi phí lãi vay	06		679.670.023	380.449.981
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.745.069.040</b>	<b>660.650.073</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.797.716.924)	(3.313.649.120)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.167.642.251	952.604.405
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.973.036.890	6.879.452.464
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		672.703.233	76.527.130
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(679.670.023)	(380.449.981)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(92.667.000)	(28.042.915)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>(10.011.602.533)</b>	<b>4.847.092.056</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(38.200.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		300.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(245.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.137.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		644.662.847	79.925.682
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.836.662.847</b>	<b>41.725.682</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21.142.000.000	16.591.421.600
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.787.500.000)	(16.738.123.600)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.354.500.000</b>	<b>(146.702.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.820.439.686)</b>	<b>4.742.115.738</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.301.224.846</b>	<b>5.728.785.971</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>3.480.785.160</b>	<b>10.470.901.709</b>

Nam Định, ngày 30 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP



Bùi Hai Võ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bùi Hai Võ



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Thanh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0600265248 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2000. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 05 (năm) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 16 tháng 04 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 78.538.000.000 đồng (Bảy mươi tám tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn ./.).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các mặt hàng thực phẩm.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; Buôn bán thực phẩm;
- Bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi khác.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con: Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Nghĩa Thành

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0601113375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở tại số 25 Song Hào, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0601113375 cấp ngày 18/05/2016 là 15.569.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Theo đăng ký kinh doanh tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2017:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Nghĩa Thành	100%	100%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 **Mẫu số B09a-DN/HN**

Công ty có các chi nhánh như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định - Chi nhánh tại Hồ Chí Minh	Số 100 Trương Định, phường 09, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định - Chi nhánh tại Hà Nội	Số 78/800A Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định - Chi nhánh tại Hà Tĩnh	Tại nhà Bà Lê Thị Bá, khối phố 7, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Cơ sở hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

### **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con là Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Nghĩa Thành.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con sau khi loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

## **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 **Mẫu số B09a-DN/HN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định của các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán..

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

##### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### **4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).



#### 4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### 4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### **Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 **Mẫu số B09a-DN/HN**

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm

#### **4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

#### **4.7. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Chi tiết chính sách ghi nhận các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:**

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 **Mẫu số B09a-DN/HN**

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

**4.9. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

#### **4.10. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

#### **4.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.12. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu và cổ tức:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **4.13. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi,

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 **Mẫu số B09a-DN/HN**

lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

#### **4.14. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

#### **4.15. Thuế**

##### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thức ăn chín (xúc xích, chân giò): thuế suất 10%

Sản phẩm nông sản (thịt) qua sơ chế (cấp đông) bán cho hộ cá nhân: thuế suất 5%

Lợn sữa xuất khẩu: thuế suất 0%

Lợn sữa, thịt đông lạnh (bán cho doanh nghiệp thương mại): không phải kê khai, tính nộp thuế

Thịt đông lạnh (ở khâu tiêu dùng cuối cùng): không chịu thuế

##### ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### **4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### **4.17. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.18. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	2.243.534.153	3.110.374.654
Tiền gửi ngân hàng	1.237.251.007	2.190.850.192
- Tiền gửi ngân hàng VND	1.231.458.417	2.184.952.505
Ngân hàng TMCP Á Châu	1.203.443.015	2.172.418.430
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.751.619	10.646.522
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	17.263.783	1.887.553
- Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	5.792.590	5.897.687
Ngân hàng TMCP Á Châu	330.538	331.420
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.462.052	5.566.267
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.480.785.160</b>	<b>5.301.224.846</b>

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>25.564.602.213</b>	-	<b>17.660.811.802</b>	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	13.396.359.900	-	-	-
Công ty TNHH Bỏ Công Anh Việt Nam	9.481.313.900	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Tường	3.915.046.000	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	12.168.242.313	-	17.660.811.802	-
<b>Cộng</b>	<b>25.564.602.213</b>	-	<b>17.660.811.802</b>	-
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>				
<b>c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm và Thủy sản Nam Định	96.073.755	-	96.073.755	-
<b>Cộng</b>	<b>96.073.755</b>	-	<b>96.073.755</b>	-

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hà Lan	3.500.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Đức	700.000.000	700.000.000
Các công ty khác	222.522.500	59.419.997
<b>Cộng</b>	<b>4.422.522.500</b>	<b>759.419.997</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**5.4 Phải thu khác và phải thu về cho vay**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>33.280.115.970</b>	-	<b>25.310.732.600</b>	-
- Tạm ứng (i)	10.044.000.000	-	2.093.369.200	-
- Các khoản phải thu khác	5.873.224.570	-	5.554.472.000	-
- Phải thu về cho vay	17.362.891.400	-	17.662.891.400	-
+ Trang trại chăn nuôi Phạm Ngọc Hà (ii)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
+ Ông Vũ Duy Thanh (iii)	11.862.891.400	-	12.162.891.400	-
+ Ông Lê Văn Lũ (iv)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>12.141.750.000</b>	-	<b>12.141.750.000</b>	-
+ Trang trại chăn nuôi Hà Lạn (v)	10.141.750.000	-	10.141.750.000	-
+ Trang trại chăn nuôi Phạm Ngọc Hà (vi)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>45.421.865.970</b>	-	<b>37.452.482.600</b>	-

(i) Chi tiết số dư tạm ứng:

	30/06/2017	01/01/2017
Ông Đỗ Tiến Đức (*)	5.000.000.000	-
Ông Tạ Tiến Dũng (**)	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	44.000.000	2.093.369.200
<b>Cộng</b>	<b>10.044.000.000</b>	<b>2.093.369.200</b>

(\*) Tạm ứng cho ông Đỗ Tiến Đức để thực hiện cho việc mở và hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định tại thành phố Hồ Chí Minh.

(\*\*) Tạm ứng cho ông Tạ Tiến Dũng để thực hiện cho việc mở và hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định tại thành phố Hà Nội.

(ii) Cho vay ngắn hạn trang trại chăn nuôi Phạm Ngọc Hà theo hợp đồng cho vay tiền số 2912/2016/HĐ/VT-NDF 29 tháng 12 năm 2016, số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 29/12/2016 đến ngày 29/01/2017, lãi suất 0%/tháng. Phụ lục hợp đồng số 260117/PLCVT-NDF ngày 26/01/2017, hai bên đã thống nhất tăng thời hạn hợp đồng từ 29/01/2017 đến 29/07/2017.

(iii) Cho vay ngắn hạn ông Vũ Duy Thanh theo biên bản số 01/2016/BBN-NDF ngày 29 tháng 05 năm 2016, số tiền 12.562.891.400 đồng, thời hạn vay từ ngày 29/05/2016 đến ngày 29/05/2017, lãi suất 6,5%/năm. Phụ lục biên bản thỏa thuận số 270517/PLTTCVT-NDF ngày 27/05/2017, hai bên đã thống nhất tăng thời hạn hợp đồng từ 29/05/2017 đến 29/05/2018.

(iv) Cho vay ngắn hạn ông Lê Văn Lũ theo hợp đồng vay tiền số 3009/2016/HĐVT-NDF ngày 30 tháng 09 năm 2016, số tiền 4 tỷ đồng, thời hạn vay kể từ ngày 30/09/2016 đến ngày 30/09/2017, lãi suất 0%/năm. Phụ lục số 01/PLHĐ/NDF-LVL ngày 01/01/2017 thay đổi lãi suất thỏa thuận của hợp đồng từ 0% thành 8%.

(v) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định và Trang trại Chăn nuôi Hà Lạn cùng ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/2013/NDF-HĐKD ngày 06 tháng 4 năm 2013 về việc góp vốn đầu tư thực hiện dự án: "Đầu tư mở rộng trang trại và bổ sung nguồn vốn để đưa trang trại đi vào hoạt động" do Trang trại chăn nuôi Hà Lạn làm chủ đầu tư. Tổng mức đầu tư dự án là 25 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định góp 10 tỷ đồng. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh, lãi sau thuế TNDN hoặc lỗ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

(vi) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định và Trang trại Chăn nuôi Phạm Ngọc Hà cùng ký kết hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/NDF-HĐKD ngày 10/02/2014 về việc góp vốn đầu tư thực hiện dự án: "Khai thác và sử dụng trang trại chăn nuôi" do Trang trại Chăn nuôi Phạm Ngọc Hà làm chủ đầu tư. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến là 6 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định góp 2 tỷ đồng. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh, lãi sau thuế TNDN hoặc lỗ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**  
 Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**5.5 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2017		01/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.508.000.000	-	(902.715.358)	14.400.000.000	-	(902.715.358)
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	245.000.000	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	245.000.000	-	-	-	-	-
- Công ty TNHH Phát triển VBN - tỷ lệ sở hữu 24,5% (I)	245.000.000	-	-	-	-	-
- Đầu tư khác	10.263.000.000	-	(902.715.358)	14.400.000.000	-	(902.715.358)
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh	-	-	-	2.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái	-	-	-	1.500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm và Thủy sản Nam Định - tỷ lệ sở hữu 2,19%	363.000.000	-	(4.330.352)	1.000.000.000	-	(4.330.352)
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Biển Đông - tỷ lệ sở hữu 19,8%	9.900.000.000	-	(898.385.006)	9.900.000.000	-	(898.385.006)
<b>Cộng</b>	<b>10.508.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(902.715.358)</b>	<b>14.400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(902.715.358)</b>

(\*) Xem thuyết minh mục (iv) - Giá trị hợp lý, 8.1 - Công cụ tài chính

(i) Theo Nghị quyết số 02/2017/NĐ/FP-ĐQT ngày 21/03/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định, Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát triển VBN với số tiền 245 triệu đồng chiếm 24,5% vốn điều lệ công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.725.362.044	-	1.767.011.419	-
Công cụ, dụng cụ	2.475.000	-	2.475.000	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	145.040.417	-
Thành phẩm nhập kho	751.074.343	-	4.588.333.862	-
Hàng hóa	3.884.432.588	-	1.028.125.528	-
<b>Cộng</b>	<b>6.363.343.975</b>	<b>-</b>	<b>7.530.986.226</b>	<b>-</b>

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	6.730.196.860	22.052.874.523	410.000.000	29.193.071.383
- Mua trong kỳ				-
- Tặng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	6.730.196.860	22.052.874.523	410.000.000	29.193.071.383
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	5.650.085.984	14.067.200.518	410.000.000	20.127.286.502
- Số khấu hao trong kỳ	124.388.988	295.684.284		420.073.272
- Tặng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	5.774.474.972	14.362.884.802	410.000.000	20.547.359.774
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	1.080.110.876	7.985.674.005	-	9.065.784.881
2. Tại ngày cuối kỳ	955.721.888	7.689.989.721	-	8.645.711.609

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 17.240.133.203 VND

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/06/2017	01/01/2017
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.471.174</b>	<b>12.634.426</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	11.471.174	12.634.426
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.287.946.726</b>	<b>959.486.707</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	124.605.576	304.620.827
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.163.341.150	654.865.880
<b>Cộng</b>	<b>3.299.417.900</b>	<b>972.121.133</b>

**5.9 Phải trả người bán**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>9.918.946.296</b>	<b>9.918.946.296</b>	<b>2.564.972.728</b>	<b>2.564.972.728</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên Công ty Cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh	6.822.668.290	6.822.668.290	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	3.096.278.006	3.096.278.006	2.564.972.728	2.564.972.728
<b>Cộng</b>	<b>9.918.946.296</b>	<b>9.918.946.296</b>	<b>2.564.972.728</b>	<b>2.564.972.728</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
- Thuế GTGT	15.211.360	-	15.211.360	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	176.520.500	8.831.000	185.351.500	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>191.731.860</b>	<b>11.831.000</b>	<b>203.562.860</b>	<b>-</b>
b) Phải thu				
- Thuế TNDN nộp thừa	4.357.954	-	92.667.000	97.024.954
- Các loại thuế khác nộp thừa	-	-	3.000.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.357.954</b>	<b>-</b>	<b>95.667.000</b>	<b>100.024.954</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.11 Các khoản phải trả khác**

	30/06/2017	01/01/2017
- Kinh phí công đoàn	130.359.574	130.359.574
- Bảo hiểm xã hội	6.226.784	29.506.646
- Bảo hiểm y tế	1.302.522	5.106.922
- Bảo hiểm thất nghiệp	868.348	2.269.742
- Phải trả, phải nộp khác	14.723.894	14.734.364
<b>Cộng</b>	<b>153.481.122</b>	<b>181.977.248</b>

**5.12 Chi phí phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	<b>92.000.000</b>	<b>102.000.000</b>
Chi phí kiểm toán	92.000.000	102.000.000
b) Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>92.000.000</b>	<b>102.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHÁU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

Mẫu số B09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
a) Vay ngắn hạn	19.497.000.000	19.497.000.000	21.142.000.000	17.600.000.000
Vay ngân hàng VND	15.997.000.000	15.997.000.000	17.642.000.000	17.600.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (i)	15.997.000.000	15.997.000.000	17.642.000.000	15.955.000.000
Vay cá nhân VND	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Ông Nguyễn Doãn Thăng (ii)	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	-
b) Vay dài hạn	468.750.000	468.750.000	-	187.500.000
Vay ngân hàng VND	468.750.000	468.750.000	-	187.500.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	468.750.000	468.750.000	-	187.500.000
<b>Cộng</b>	<b>19.965.750.000</b>	<b>19.965.750.000</b>	<b>21.142.000.000</b>	<b>17.787.500.000</b>
				<b>16.611.250.000</b>

(i) Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng TMCP Á Châu số NAD.DN.666.165.080716 ngày 08 tháng 07 năm 2016 với hạn mức 17 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất và thời hạn trả nợ quy định trong từng kế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của công ty.

- Bất động sản tại Thửa 145 và thửa 146, tờ 17 tại địa chỉ: phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định của Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Nghĩa Thành;

- Bất động sản tại Thửa 144 tờ 1 tại địa chỉ: tổ 23 phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của ông Vũ Minh Thành và bà Phạm Thị Trinh;

- Bất động sản tại Thửa 61 tờ 39 tại địa chỉ: bãi bồi ven sông Sò, xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định của ông Vũ Trọng Nghĩa và bà Lê Thị Thanh Nhân;

(ii) Hợp đồng vay ông Nguyễn Doãn Thăng số 1806/2017/HĐVT-NT ngày 18/06/2017 số tiền 3,5 tỷ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 0%, mục đích vay dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh.

(iii) Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng TMCP Á Châu số NAD.DN.111.200814 ngày 21 tháng 8 năm 2014 với số tiền vay là 1,5 tỷ đồng, thời hạn vay 48 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất và thời hạn trả nợ quy định trong từng kế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Bất động sản tại Thửa đất số 144, tờ bản số 2, tổ 23, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của ông Vũ Minh Thành và bà Phạm Thị Trinh;

- 01 Xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota; số loại: Camry; Biển số đăng ký: 90A-018.93.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**5.14 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	78.538.000.000	93.365.619	42.220.000	1.155.180.877	1.350.409.083	1.620.278.424	82.799.454.003
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(7.536.446.283)	(7.536.446.283)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>78.538.000.000</b>	<b>93.365.619</b>	<b>42.220.000</b>	<b>1.155.180.877</b>	<b>1.350.409.083</b>	<b>(5.916.167.859)</b>	<b>75.263.007.720</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.312.408.592	1.312.408.592
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>78.538.000.000</b>	<b>93.365.619</b>	<b>42.220.000</b>	<b>1.155.180.877</b>	<b>1.350.409.083</b>	<b>(4.603.759.267)</b>	<b>76.575.416.312</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Vốn góp của nhà nước		
Vốn góp của các đối tượng khác	78.538.000.000	78.538.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>78.538.000.000</u></b>	<b><u>78.538.000.000</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	78.538.000.000	78.538.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	78.538.000.000	78.538.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>7.853.800</b>	<b>7.853.800</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>7.853.800</b>	<b>7.853.800</b>
- Cổ phiếu phổ thông	7.853.800	7.853.800
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.853.800</b>	<b>7.853.800</b>
- Cổ phiếu phổ thông	7.853.800	7.853.800
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.312.408.592	10.939.572
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	7.853.800	7.853.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>167</u></b>	<b><u>1,39</u></b>

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	239.421.285	242.121.285
Quỹ đầu tư phát triển	1.155.180.877	1.155.180.877
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.350.409.083	1.350.409.083
<b>Cộng</b>	<b><u>2.745.011.245</u></b>	<b><u>2.747.711.245</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.919.095.712	23.405.618.518
<b>Cộng</b>	<b>23.919.095.712</b>	<b>23.405.618.518</b>
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>		
Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		

**6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>		
Cộng	20.907.118.928	22.245.185.953
	<b>20.907.118.928</b>	<b>22.245.185.953</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền gửi, cho vay	667.082.847	79.925.682
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	163.000.000
Lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	131.657.098
<b>Cộng</b>	<b>667.082.847</b>	<b>374.582.780</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền vay	679.670.023	380.449.981
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	40.460
<b>Cộng</b>	<b>679.670.023</b>	<b>380.490.441</b>

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	175.191.539
Các khoản thu nhập khác	26.090.524	13
<b>Cộng</b>	<b>26.090.524</b>	<b>175.191.552</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Các khoản bị phạt	17.305.341	-
Các khoản chi phí khác	79.143.339	5.924.170
<b>Cộng</b>	<b>96.448.680</b>	<b>5.924.170</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>	<b>1.582.940.309</b>	<b>1.139.267.824</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	480.926.083	442.994.619
+ Chi phí lương và các khoản trích theo lương	480.926.083	442.994.619
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.102.014.226	696.273.205
<b>Các khoản chi phí bán hàng:</b>	<b>33.682.551</b>	<b>168.107.448</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	30.238.107	23.048.062
+ Chi phí lương và các khoản trích theo lương	30.238.107	23.048.062
- Chi phí bán hàng khác	3.444.444	145.059.386
<b>Cộng</b>	<b>1.616.622.860</b>	<b>1.307.375.272</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.092.092.269	7.437.962.043
Chi phí nhân công	640.083.730	778.974.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	420.073.272	426.783.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.481.800	529.368.206
Chi phí bằng tiền khác	1.025.233.280	799.476.581
<b>Cộng</b>	<b>5.294.964.351</b>	<b>9.972.564.732</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.312.408.592	16.417.014
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	592.672.718	10.970.195
+ Chi phí không được trừ	592.672.718	10.970.195
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được kết chuyển từ các năm trước	(1.905.081.310)	-
Thu nhập chịu thuế	-	27.387.209
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>5.477.442</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>30/06/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.480.785.160		3.480.785.160
Phải thu khách hàng	25.564.602.213		25.564.602.213
Đầu tư	-	10.508.000.000	10.508.000.000
Phải thu khác	15.917.224.570	12.141.750.000	28.058.974.570
Tài sản tài chính khác	-		-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(902.715.358)	(902.715.358)
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.962.611.943</b>	<b>21.747.034.642</b>	<b>66.709.646.585</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Các khoản vay và nợ	19.497.000.000	468.750.000	19.965.750.000
Phải trả người bán	9.918.946.296		9.918.946.296
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	245.481.122	-	245.481.122
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.661.427.418</b>	<b>468.750.000</b>	<b>30.130.177.418</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>15.301.184.525</b>	<b>21.278.284.642</b>	<b>36.579.469.167</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>01/01/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.301.224.846		5.301.224.846
Phải thu khách hàng	17.660.811.802		17.660.811.802
Đầu tư	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Phải thu khác	7.647.841.200	12.141.750.000	19.789.591.200
Tài sản tài chính khác	-		-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(902.715.358)	(902.715.358)
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.609.877.848</b>	<b>25.639.034.642</b>	<b>56.248.912.490</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Các khoản vay và nợ	15.955.000.000	656.250.000	16.611.250.000
Phải trả người bán	2.564.972.728		2.564.972.728
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	283.977.248	-	283.977.248
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.803.949.976</b>	<b>656.250.000</b>	<b>19.460.199.976</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>11.805.927.872</b>	<b>24.982.784.642</b>	<b>36.788.712.514</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẤU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	30/06/2017	30/06/2017
<b>Tài sản tài chính</b>	01/01/2017	01/01/2017
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.508.000.000	14.400.000.000 (*)
Các khoản cho vay và phải thu		
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.623.576.783	37.450.403.002
Tài sản tài chính khác		
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.480.785.160	5.301.224.846
Tiền và các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.612.361.943</b>	<b>57.151.627.848 (*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	19.965.750.000	19.965.750.000
Phải trả người bán	9.918.946.296	9.918.946.296
Phải trả khác	153.481.122	181.977.248
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.038.177.418</b>	<b>30.038.177.418</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất kinh doanh các mặt hàng thực phẩm. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo chủ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh thị trường trong nước. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Doanh thu theo khu vực địa lý	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>			
Doanh thu	23.919.095.712	-	23.919.095.712
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Giá vốn hàng bán	20.907.118.928	-	20.907.118.928
<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>			
Doanh thu	10.294.754.124	13.110.864.394	23.405.618.518
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Giá vốn hàng bán	9.702.664.136	12.542.521.817	22.245.185.953

**Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:**

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
<b>30/06/2017</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	36.350.468.688	-	36.350.468.688
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			70.632.546.327
<b>Tổng tài sản</b>			<b>106.983.015.015</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.918.946.296	-	9.918.946.296
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			20.488.652.407
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>30.407.598.703</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.108.560.670	5.842.657.355	25.951.218.025
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			69.394.551.508
<b>Tổng tài sản</b>			<b>95.345.769.533</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.084.534.347	605.673.381	2.690.207.728
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			17.392.554.085
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>20.082.761.813</b>

**8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Trong kỳ, Công ty có thành lập thêm các chi nhánh, cụ thể như sau:

- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0600265248-003, đăng ký lần đầu ngày 19/06/2017.

- Chi nhánh tại thành phố Hà Nội - Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0600265248-004, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2017.

**8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

1) Theo Nghị quyết số 08/2017/NQHĐQT-NDF ngày 03/07/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định đã thông qua những vấn đề sau:

- Chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Nghĩa Thành cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh, giá chuyển nhượng 22 tỷ đồng;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

- Hợp tác với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Sáng (đã có chuỗi trang trại Vifarm tại Vũng Tàu) thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao Vifarm Việt Nam tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trong đó: Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định chiếm 51%);
  - Hợp tác với Công ty TNHH Vietponic (đã có chuỗi trang trại thủy canh) thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao Smart Agri Đà Lạt tại Lâm Đồng (trong đó: Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định chiếm 51%);
  - Mua 90% phần vốn góp của Công ty Cổ phần Thực phẩm Red Foods tại Hà Nội giá trị đầu tư: 1,8 tỷ đồng để cung cấp thực phẩm, nông sản tại khu vực miền Bắc;
  - Mua 80% phần vốn góp của Công ty TNHH Thực phẩm và Đồ uống Nam tại thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư 4,8 tỷ đồng để cung cấp thực phẩm nông sản tại khu vực phía Nam.
- 2) Thành lập chi nhánh tại Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0600265248-005, đăng ký lần đầu ngày 08/08/2017.

**8.6 Thông tin về các bên liên quan**

Xem chi tiết tại Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 lập ngày 30/08/2017.

**8.7 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.8 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.9 Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**NGƯỜI LẬP**

**Bùi Hai Vỡ**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Bùi Hai Vỡ**



Nam Định, ngày 30 tháng 08 năm 2017

**GIÁM ĐỐC**

**CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**

**Nguyễn Quang Thanh**